

# GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NGÀNH CHẾ BIẾN GỖ VIỆT NAM

## **I. Tình hình chung về ngành chế biến gỗ ở Việt Nam:**

### **1. Một số thành tựu:**

Ngành công nghiệp chế biến gỗ của Việt Nam đã đạt được nhiều thay đổi tích cực trong những năm vừa qua, sản lượng và chất lượng sản phẩm tăng cao, sản phẩm đã được tiêu thụ rộng rãi ở nhiều nước trên thế giới.

Trong thời gian từ năm 2000 đến nay, ngành công nghiệp chế biến gỗ của Việt Nam đã có nhiều thay đổi sâu sắc. Số lượng doanh nghiệp chế biến gỗ tăng nhanh từ 1.200 doanh nghiệp năm 2000, đến cuối năm 2007 có 2.526 doanh nghiệp, tăng 2,8 lần so với năm 2000 và cuối năm 2013 có trên 3.000 doanh nghiệp hoạt động trong ngành công nghiệp chế biến gỗ. Phần lớn các doanh nghiệp tập trung chủ yếu ở miền Nam với hơn 80% số lượng doanh nghiệp của cả nước. Trong đó, tập trung chủ yếu ở Đông Nam bộ với 1796 doanh nghiệp, chiếm 59,79% tổng số doanh nghiệp của cả nước và tập trung chủ yếu ở Đồng Nai, Bình Dương và TP.Hồ Chí Minh. Cả nước hiện có 4 khu công nghiệp chế biến gỗ thì 3 khu công nghiệp tập trung ở miền Nam là TP.Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương và 1 ở Bình Định. Số doanh nghiệp chế biến gỗ của miền Bắc tuy tăng chậm hơn miền Nam nhưng cũng tăng từ 351 doanh nghiệp năm 2000 lên 591 doanh nghiệp năm 2010. Theo VIFORES ở thời điểm năm 2000, trong tổng số các doanh nghiệp chế biến gỗ thì các doanh nghiệp nhà nước chiếm 40,85%, doanh nghiệp tư nhân chiếm 57,1 %, còn lại là doanh nghiệp liên doanh chiếm 2,05%. Đến năm 2007, doanh nghiệp nhà nước chỉ chiếm 4,27% trong tổng số doanh nghiệp, doanh nghiệp tư nhân chiếm 77,63% và doanh nghiệp liên doanh chiếm 18,1%. Theo cục chế biến thương mại nông lâm sản thì đến năm 2013 cả nước có trên 3.000 doanh nghiệp chế biến gỗ thuộc các loại hình sở hữu khác nhau, trong đó có 95% thuộc sở hữu tư nhân còn lại là thuộc nhà nước.

Quy mô sản xuất của các doanh nghiệp ngày càng được mở rộng cả về chiều rộng lẫn chiều sâu. Tính theo tiêu chí vốn đầu tư của một doanh nghiệp thì trong năm 2005 vốn đầu tư bình quân của một doanh nghiệp cả nước là 5.988

triệu đồng, trong đó vốn đầu tư bình quân doanh nghiệp chế biến gỗ ở miền Nam là 5.800 triệu đồng và ở miền Bắc là 3096 triệu đồng. Tính theo tiêu chí vốn đầu tư trên lao động thì vốn đầu tư /lao động bình quân của cả nước là 94,5 triệu đồng/lao động, ở miền Nam chỉ tiêu này là 65,5 triệu đồng/lao động và ở miền Bắc là 76,1 triệu đồng.

Cùng với sự phát triển của nền kinh tế đất nước, thực hiện Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2006-2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 18/2007/QĐ-TTg ngày 05/02/2007, ngành chế biến và xuất khẩu gỗ đã đạt được những thành tựu to lớn cả về số lượng, chất lượng doanh nghiệp chế biến, về kim ngạch xuất khẩu và về thị trường tiêu thụ sản phẩm,... Các sản phẩm gỗ chế biến ngày càng trở nên đa dạng hơn, có mẫu mã và chất lượng sản phẩm ngày càng phù hợp hơn với cả thị trường trong nước và xuất khẩu. Từ chỗ chỉ tập trung để tái xuất khẩu sang một nước thứ ba, đến nay các sản phẩm gỗ chế biến của Việt Nam đã có mặt ổn định ở trên 120-150 nước và vùng lãnh thổ trên toàn thế giới với nhiều doanh nghiệp trực tiếp xuất khẩu sang các thị trường dành cho người tiêu dùng.

Nguồn lao động làm việc trong các doanh nghiệp chế biến gỗ tăng lên đáng kể. Trong năm 2005 bình quân 1 doanh nghiệp có 63,5 lao động, đến năm 2007 là 93,3 lao động. Các doanh nghiệp có quy mô lao động lớn tập trung ở Nam trung bộ 205 lao động/doanh nghiệp, ở Đông Nam bộ 111 lao động/doanh nghiệp. Với quy mô như trên thì đa số các doanh nghiệp chế biến gỗ ở nước ta vẫn ở quy mô vừa và nhỏ. Cũng theo Cục Chế biến Thương mại nông lâm sản và Nghề muối cho biết, nếu tính trên mức độ sử dụng lao động thì có đến 46% tổng số doanh nghiệp chế biến gỗ có quy mô siêu nhỏ; 49% là quy mô nhỏ; 1,7% là quy mô vừa; 2,5% là quy mô lớn. Còn nếu xét về vốn đầu tư, có đến 93% số doanh nghiệp chế biến gỗ ở quy mô nhỏ và siêu nhỏ.

Trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước với mục tiêu đưa nước ta trở thành một nước công nghiệp vào năm 2020 đã tạo điều kiện cho các ngành công nghiệp phát triển. Đặc biệt à trong bối cảnh hội nhập và mở cửa nền kinh tế đã tạo điều kiện mở rộng thị trường, tăng giá trị xuất khẩu, khuyến khích các ngành công nghiệp phát triển, trong đó có ngành công nghiệp chế biến gỗ.

Đây là một trong những ngành công nghiệp chế biến chủ lực của Việt Nam. Trong khoảng thời gian từ năm 2000 đến nay, ngành công nghiệp chế biến gỗ của Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể, phát triển nhanh cả về số lượng và chất lượng sản phẩm góp phần tạo nguồn thu nhập cho đất nước nói chung và tạo công ăn việc làm cho người dân nói riêng. Theo kết quả điều tra của Phòng chế biến bảo quản lâm sản thuộc Cục chế biến nông lâm thủy hải sản thì số lượng các doanh nghiệp chế biến gỗ đã tăng từ 1.200 doanh nghiệp năm 2000 lên đến gần 4000 doanh nghiệp tính đến hết năm 2013, tăng 1,74 lần so với năm 2005 và tăng 3,34 lần so với năm 2000. Trong đó, doanh nghiệp chế biến gỗ ngoài quốc doanh chiếm 65,4%, doanh nghiệp Nhà nước chiếm 31%, còn lại là doanh nghiệp liên doanh và 100% vốn nước ngoài đầu tư. Trong những năm qua ngành công nghiệp chế biến gỗ đã có sự tăng trưởng mạnh mẽ, không ngừng tăng nhanh về số lượng, chất lượng và chủng loại sản phẩm. Các sản phẩm gỗ của Việt Nam không chỉ có uy tín và tiêu thụ trong nước mà được tiêu thụ ở hơn 120 quốc gia trên thế giới với hơn 3000 mặt hàng sản phẩm các loại đưa Việt Nam trở thành một trong năm nước có giá trị xuất khẩu đồ gỗ lớn nhất thế giới. Cũng theo số liệu của Phòng chế biến lâm sản quy mô chế biến đã tăng từ 3 triệu m<sup>3</sup> gỗ nguyên liệu/năm năm 2005 lên khoảng trên 15 triệu m<sup>3</sup> gỗ tròn/năm năm 2012. Kim ngạch xuất khẩu sản phẩm gỗ của Việt Nam đã tăng từ 219 triệu USD năm 2000 lên trên 3,9 tỷ USD năm 2011 và 4,68 tỷ USD năm 2013, góp phần quan trọng đưa tổng kim ngạch xuất khẩu các sản phẩm nông, lâm, thủy sản năm 2013 lên mức 27,5 tỷ USD.

## **2. Những nhược điểm của ngành chế biến gỗ Việt Nam:**

Mặc dù đạt được nhiều thành tựu trong hơn 10 năm vừa qua nhưng ngành chế biến gỗ vẫn còn bộc lộ nhiều yếu kém và sự phát triển mang tính thiếu bền vững, cụ thể là chất lượng sản phẩm sản xuất có giá trị chưa cao, thiếu thông tin trên thị trường, thiếu nguồn vốn đầu tư và máy móc thiết bị và tay nghề lao động còn lạc hậu, chưa có thương hiệu riêng cho sản phẩm, không chủ động được nguồn nguyên liệu mà phụ thuộc nhiều vào nguồn nguyên liệu nhập từ bên ngoài với khoảng 70-80% nhu cầu nguyên liệu gỗ của cả nước, sản phẩm bị cáo buộc về việc sử dụng nguồn nguyên liệu bất hợp pháp, chưa khai thác hết khả năng vốn có để nâng cao hiệu quả, hầu hết các doanh nghiệp chế biến gỗ đều có

quy mô vừa và nhỏ, chưa có sự liên kết với nhau... đã khiến các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn trong việc cạnh tranh với thế giới đặc biệt là trong bối cảnh nền kinh tế thế giới hiện nay đang gặp nhiều khó khăn, thị trường tiêu thụ bị thu hẹp, các nước đưa ra nhiều tiêu chuẩn, khắt khe hơn. Ngoài những khó khăn chung như trên, các doanh nghiệp chế biến gỗ còn gặp phải những khó khăn mang tính đặt thù của ngành như sự cạnh tranh về giá cả và chất lượng sản phẩm của các nước trong khu vực như Trung Quốc, Thái Lan, Malaysia, Đài Loan; chi phí đầu vào của nước ta đang có chiều hướng gia tăng và không ổn định trong khi các sản phẩm trên thế giới đa phần có xu hướng giảm giá, nâng cao chất lượng để cạnh tranh; ngoài ra, khi gia nhập vào nền kinh tế thế giới nói chung, chúng ta gặp phải nhiều trở ngại về khía cạnh pháp lý, về tiêu chuẩn sản phẩm, sự thiếu hiểu biết về thị trường đã gây nhiều thiệt hại cho các doanh nghiệp nói riêng và cho nền kinh tế nói chung.

Chế biến gỗ đang phát triển một cách thiếu quy hoạch, đặc biệt là quy hoạch phát triển ở cấp địa phương và quy hoạch phát triển cho các nhóm sản phẩm chủ đạo. Chính vì vậy, sự phân bố các doanh nghiệp trong cả nước chưa phù hợp và chưa phát huy được các lợi thế về nguồn nguyên liệu. Cơ cấu sản phẩm chưa cân đối, tương xứng với nhu cầu của các thị trường. Một số nhóm sản phẩm phát triển quá nóng làm ảnh hưởng đến sự phát triển của các nhóm sản phẩm khác, đồng thời tiềm ẩn nhiều rủi ro không đáng có.

Chất lượng tăng trưởng không cao. Tăng trưởng của ngành chế biến gỗ Việt Nam trong giai đoạn vừa qua chủ yếu dựa vào xuất khẩu, mà phần lớn là gia công theo đơn đặt hàng với thiết kế mẫu mã từ khách hàng nước ngoài. Chỉ một số ít doanh nghiệp lớn trong nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chủ động đầu tư công nghệ, thiết bị và có khả năng tự sản xuất theo thiết kế và có thể tìm kiếm thị trường tiêu thụ, nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm. Đa phần các doanh nghiệp còn lại chưa có được sự đầu tư về công nghệ, thiết bị chế biến để tạo ra sự chuyển biến sâu sắc, đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của thị trường.

Nhiều cơ sở chế biến nhỏ và siêu nhỏ, nhất là ở các khu vực làng nghề, người lao động hầu như không được đào tạo cơ bản nên khả năng làm chủ công

nghệ, thiết bị sản xuất không cao. Do vậy, có thể nói lực lượng lao động chế biến gỗ có trình độ đại học và cao đẳng còn ít, số công nhân kỹ thuật và công nhân lao động trực tiếp được đào tạo ở các nghề đòi hỏi trình độ chuyên môn sâu về chế biến gỗ không nhiều. Đây cũng chính là nguyên nhân tại sao các doanh nghiệp Việt Nam không thể đưa ra được những sản phẩm cao cấp để cạnh tranh với sản phẩm của các nước. Trong khi đó các doanh nghiệp chế biến gỗ có vốn đầu tư nước ngoài có tổng vốn đầu tư bình quân 1 doanh nghiệp là 1.317.900 USD, các doanh nghiệp này chủ yếu sản xuất sản phẩm để xuất khẩu, đóng góp trên 50% tổng kim ngạch xuất khẩu đồ gỗ của cả nước trong khi họ chỉ chiếm 16%. Họ có lợi thế về kinh nghiệm sản xuất, năng lực tài chính, chủ động được thị trường đầu vào và đầu ra.

Nhu cầu sử dụng sản phẩm đồ gỗ trên thế giới là rất lớn, Việt Nam chỉ đáp ứng 1,6% thị phần của thế giới, khoảng 300 tỷ USD. Các doanh nghiệp trong nước phần lớn có năng suất thấp nên chỉ nhận những đơn hàng khoảng từ 40-50 container/tháng. Còn những đơn hàng từ hơn 100 container/tháng thì nằm trong tay các doanh nghiệp FDI. Những doanh nghiệp đạt kim ngạch cao đều là những công ty có vốn đầu tư nước ngoài như công ty Cty TNHH Scancom Việt Nam, kim ngạch xuất khẩu đạt 41,6 triệu USD; công ty TNHH Green River Wood & Lumber kim ngạch xuất khẩu được 40,8 triệu USD... 20 doanh nghiệp xuất khẩu sản phẩm gỗ đạt kim ngạch cao nhất năm 2013 chiếm 26,8% tổng kim ngạch, đạt 510,22 triệu USD. Đa số các doanh nghiệp nội địa chỉ sản xuất đủ năng lực và chủ yếu chuẩn bị cho việc tái cơ cấu.

Hiệu quả sản xuất kinh doanh nhìn chung còn thấp, sức cạnh tranh của các doanh nghiệp yếu. Phần lớn các doanh nghiệp chế biến gỗ hiện nay đều có quy mô nhỏ và vừa, được phát triển từ mô hình sản xuất nhỏ kiểu hộ gia đình, hợp tác xã, tổ hợp tác hoặc chuyển đổi từ các mô hình công ty nhà nước nên có nhiều hạn chế. Hạn chế cơ bản là thiếu tầm nhìn dài hạn, chưa hoạch định được chiến lược phát triển dài hạn nên bị động và lúng túng trong quá trình sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó là phần lớn các doanh nghiệp đều hạn chế về vốn, cũng như về khả năng huy động vốn. Công nghệ, thiết bị hầu hết đều lạc hậu, tiêu hao nhiều nguyên nhiên vật liệu, năng lượng,... khiến cho giá thành sản phẩm cao, nhưng lại chậm được đầu tư nâng cấp hoặc đổi mới. Khả năng thiết

kế sản phẩm, năng lực quản lý doanh nghiệp và xúc tiến thương mại hạn chế nên các doanh nghiệp đều chưa chủ động sản xuất mà phần lớn chỉ sản xuất theo đơn đặt hàng. Ngoài ra, các doanh nghiệp còn chưa chủ động liên kết với nhau để có thể đáp ứng các đơn hàng với khối lượng lớn và chưa thật sự chia sẻ thông tin trong khai thác thị trường. Nhìn chung, các doanh nghiệp chế biến gỗ của người Việt thường yếu thế hơn các doanh nghiệp chế biến gỗ có vốn đầu tư nước ngoài.

Công tác đào tạo, nhất là đào tạo đội ngũ công nhân lành nghề cũng chưa được coi trọng. Do vậy, số lượng và chất lượng đội ngũ công nhân chế biến gỗ của Việt Nam chưa đáp ứng yêu cầu của sản xuất. Hầu hết công nhân còn thiếu nhiều kỹ năng cơ bản, về khả năng tận dụng thời gian thao tác, sử dụng máy chế biến, cũng như chưa có ý thức tiết kiệm năng lượng và nguyên liệu gỗ.

Chưa hình thành được mối liên kết chặt chẽ giữa các doanh nghiệp chế biến gỗ với người trồng rừng và các chủ rừng. Hầu hết các doanh nghiệp chế biến gỗ đều bị động về nguồn nguyên liệu gỗ. Trong khi hàng năm vẫn phải nhập khẩu một lượng không nhỏ gỗ nguyên liệu phục vụ cho nhu cầu chế biến thì các nhà máy băm dăm gỗ để xuất khẩu lại phát triển quá nhanh, vượt khả năng cung cấp nguyên liệu từ rừng trồng trong nước.

Công nghiệp hỗ trợ còn manh nha, chưa phát triển, chưa đáp ứng nhu cầu sản xuất. Phần lớn nguyên, phụ liệu phục vụ chế tạo sản phẩm hoàn chỉnh đều được nhập khẩu. Các doanh nghiệp chế biến gỗ chưa được chuẩn bị đầy đủ để thích nghi với quá trình hội nhập kinh tế quốc tế trong khi các rào cản kỹ thuật trong thương mại như việc chứng minh nguồn gốc nguyên liệu gỗ, chứng nhận FSC-CoC, quy định về kiểm dịch thực vật,... lại đang ngày càng chặt chẽ hơn. Việc phát triển các xưởng cưa nhỏ, nhất là các xưởng cưa ven rừng, các xưởng thủ công nghiệp hoạt động ở vùng nông thôn, các làng nghề,... có thể làm tăng việc khai thác và buôn bán gỗ trái phép, làm giảm nguồn cung cấp, cũng như khả năng kiểm soát gỗ hợp pháp.

Số lượng các doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu gỗ tuy nhiều, nhưng chưa xây dựng được thương hiệu riêng cho các sản phẩm gỗ Việt Nam, đồng thời cũng hầu như chưa có hệ thống phân phối sản phẩm ở các thị trường quan trọng

nên luôn bị động về thị trường và kém hiệu quả trong cạnh tranh. Thị trường trong nước chưa được quan tâm, khai thác đúng mức và có hiệu quả, cho dù đây là thị trường có thể mang lại nhiều lợi thế cho các doanh nghiệp chế biến gỗ của Việt Nam.

Trong khi thị trường đang được mở rộng và kim ngạch tăng nhanh thì nhiều doanh nghiệp trong lĩnh vực đồ gỗ nhất là các doanh nghiệp tại TP. Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Gia Lai, Đắk Lắk, Bình Định đang rất khó khăn trong tìm kiếm gỗ nguyên liệu để duy trì sản xuất. Theo Bộ Công Thương, nguồn nguyên liệu cho ngành gỗ xuất khẩu đang thiếu trầm trọng. Hàng năm chúng ta phải nhập 80% gỗ nguyên liệu, chiếm tới 37% giá thành sản phẩm. Hơn nữa 90% gỗ nhập khẩu từ Lào và Campuchia thì nguồn này đang cạn kiệt. Kể từ năm 2005 đến nay, hai nước Malaysia và Indonesia đã đóng cửa mặt hàng gỗ xẻ, gây nhiều khó khăn cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Giá nhiều loại gỗ đã tăng bình quân từ 5% - 7%, đặc biệt gỗ cứng đã tăng từ 30% - 40%, làm cho nhiều doanh nghiệp Việt Nam rơi vào tình trạng có đơn hàng nhưng không có lợi nhuận hoặc lợi nhuận rất thấp.

Đối với nguồn gỗ trong nước, công tác quy hoạch còn nhiều bất cập, các dự án phát triển rừng nguyên liệu chưa được quan tâm đúng mức, dẫn đến sản lượng gỗ phục vụ cho chế biến xuất khẩu không được cải thiện. Chiến lược lâm nghiệp quốc gia giai đoạn 2006 - 2020 đặt mục tiêu phát triển 825.000 ha rừng nguyên liệu cho ngành gỗ Việt Nam, trong đó có sự kết hợp giữa các loại cây có chu kỳ kinh doanh ngắn 7-10 năm và chu kỳ kinh doanh dài từ 15 năm trở lên. Sản lượng dự kiến khai thác để phục vụ ngành gỗ vào năm 2020 sẽ đạt 20 triệu m<sup>3</sup>/năm trong đó có 10 triệu m<sup>3</sup> gỗ lớn, mới đáp ứng được khoảng 70% nhu cầu. Theo tính toán của Hiệp hội gỗ, còn phải chờ ít nhất 10 năm nữa mới hy vọng chủ động được một phần nguyên liệu trong nước khi các khu rừng trồng gỗ lớn do các doanh nghiệp phát triển bắt đầu cho khai thác. Còn trong tương lai gần, không có cách nào khác là phải tiếp tục nhập khẩu gỗ nguyên liệu.

Hiện tại phần lớn đất rừng, gần 5 triệu ha là do các lâm trường quốc doanh và chính quyền địa phương quản lý, trong khi khoảng 3,1 triệu ha đã được giao

cho hơn một triệu hộ gia đình và cá nhân, nhưng có 20-30% diện tích được sử dụng đúng mục đích, 70% còn lại chưa đem lại hiệu quả như mong muốn. Trong khi đó, nhiều nhà đầu tư lớn muốn đầu tư vào rừng trồng thì lại không có đất trồng rừng. Tuy nhiên, đến nay cũng đã xuất hiện một số mô hình hợp tác, liên kết giữa doanh nghiệp và các chủ rừng để trồng rừng sản xuất. Có doanh nghiệp chọn hình thức đầu tư tiên, giống, kỹ thuật cho các hộ dân trồng rừng, khi đến kỳ khai thác, hộ dân sẽ hoàn trả cho doanh nghiệp sản lượng gỗ nhất định, phần sản lượng tăng thêm sẽ thuộc về người trồng rừng.

Công tác xây dựng mạng lưới chế biến gỗ trên toàn quốc chưa có sự thống nhất để sử dụng nguồn nguyên liệu vốn đang rất khan hiếm. Cùng với hạn chế trên, công nghệ chế biến hiện nay cũng còn thô sơ và mang nặng tính thủ công, các doanh nghiệp chế biến gỗ Việt Nam chỉ mới dừng lại ở việc gia công nguyên liệu là chính, máy móc vẫn ở mức trung bình và lạc hậu. Phần lớn dây chuyền thiết bị, máy móc được sản xuất từ Đài Loan, Trung Quốc, chỉ một số ít sản xuất tại Đức, Italy, Nhật, không đáp ứng được yêu cầu của khách hàng lớn và khách hàng đòi hỏi chất lượng cao. Các doanh nghiệp chế biến gỗ chủ yếu là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, yếu về năng lực quản lý, thiếu công nhân kỹ thuật, thiếu vốn. Những yếu tố này khiến giá trị gia tăng của sản phẩm gỗ Việt Nam đạt ở mức thấp và làm giảm tính cạnh tranh về giá thành.

Việc phát triển thương hiệu đồ gỗ Việt Nam trên thị trường quốc tế còn hạn chế và chưa được chú trọng. Hầu hết các doanh nghiệp chế biến gỗ Việt Nam đều có quy mô nhỏ, nguồn lực hạn chế nên chưa có nhiều kinh phí để thực hiện việc này. Tuy nhiên, Bộ Công Thương thừa nhận: công tác xúc tiến thương mại chưa có sự liên kết tốt giữa các tổ chức hỗ trợ thương mại và doanh nghiệp. Một thực trạng nữa là các doanh nghiệp chủ yếu vẫn bán hàng qua khâu trung gian. Hơn nữa, việc nhận làm gia công và nhận mẫu mã thiết kế, hợp đồng đặt hàng của nước ngoài ngày càng nhiều đã biến các doanh nghiệp của chúng ta thành người làm thuê, gia công cho thương hiệu nước ngoài. Và tất cả những điều này đang làm ảnh hưởng lớn đến thương hiệu gỗ Việt Nam trên thị trường thế giới.

Một vấn đề khác phát sinh khi chúng ta hội nhập sâu vào nền kinh tế thế giới đối với mặt hàng đồ gỗ là các chứng chỉ về nguyên liệu. Mỹ có đạo luật LACEY được bổ sung có hiệu lực từ 15/12/2008, quy định kiểm soát nguồn gốc gỗ nguyên liệu. Từ 1/4/2009 tất cả doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu phải nộp tờ khai về sản phẩm nhằm đảm bảo tính hợp pháp. Bên cạnh đó luật lâm nghiệp và quản trị rừng FLEGT đang được triển khai ở tất cả các quốc gia. EU còn phát động "Bản thỏa thuận đối tác tự nguyện VTA". Đây là những rào cản rất lớn cho ngành gỗ của chúng ta. Phân tích của Vụ xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương mới đây cho biết, nhu cầu về gỗ có chứng chỉ đang gia tăng, nhưng Việt Nam vẫn chưa có hệ thống chứng chỉ thích hợp. Các khách hàng nhất là EU ngày càng đòi hỏi các sản phẩm được làm từ nguồn gỗ nguyên liệu có chứng chỉ của một tổ chức như Hội đồng các nhà quản lý rừng FSC. Hiện ở nước ta chưa nơi nào có chứng chỉ như vậy. Hậu quả là, để đáp ứng các yêu cầu có chứng chỉ FSC, các nhà sản xuất phải nhập khẩu gỗ có chứng chỉ FSC, giá thành sản phẩm đội lên, nên khó cạnh tranh được và giá trị gia tăng của ngành đồ gỗ bị giảm sút quá nhiều so với những quốc gia có hệ thống chứng chỉ, cho dù đồ gỗ chế biến của Việt Nam đang được ưa chuộng tại nhiều nước, cùng với những khách hàng chiến lược, thông qua những sản phẩm có chất lượng và sức cạnh tranh cao.

Ngoài ra, cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu cũng đã gây ra nhiều khó khăn cho ngành chế biến gỗ Việt Nam như thị trường xuất khẩu trọng điểm bị thu hẹp, hàng hóa tồn đọng, giá đầu ra giảm, dẫn tới các đơn hàng vừa giảm, vừa khó thực hiện. Còn giải pháp kích cầu của Chính phủ hiện nay với những điều kiện cho vay chặt chẽ, khó khăn, thời gian cho vay ngắn, khó đưa đồng vốn với lãi suất vay ưu đãi đến với với các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Tuy nhiên, đây cũng có thể là cơ hội lớn cho ngành chế biến gỗ tái cấu trúc lại để có thể đủ năng lực cạnh tranh, đổi mới dây chuyền công nghệ sản xuất, đào tạo đội ngũ quản lý, lao động...

Tóm lại, ngành chế biến gỗ Việt Nam có 3 thực trạng cơ bản cần phải giải quyết nhanh chóng mới mong đáp ứng được nhu cầu thị trường trong thời gian tới:

Thứ nhất, nguồn nguyên liệu chưa ổn định, chủ yếu phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu từ nước ngoài. Đây là một trong những hạn chế lớn nhất của ngành chế biến gỗ nước ta. Lượng nguyên liệu gỗ nhập khẩu hàng năm chiếm khoảng 80% tổng nhu cầu gỗ cho chế biến. Việc nhập khẩu nguyên liệu gỗ sẽ gây nhiều ảnh hưởng tiêu cực như giá nguyên liệu thường biến động tăng 30-40%, không chủ động được nguồn nguyên liệu, không nắm rõ được nguồn gốc, chất lượng nguyên liệu nhập, làm giảm khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp. Nguyên nhân là do chính phủ đã cấm khai thác nguồn gỗ tự nhiên, công tác quy hoạch nguồn nguyên liệu trong nước còn hạn chế, việc xây dựng mạng lưới chế biến gỗ trên toàn quốc chưa thống nhất.

Thứ hai, quy mô sản xuất của các doanh nghiệp chế biến gỗ nước ta chủ yếu là nhỏ và vừa. Với quy mô này các doanh nghiệp rất khó thực hiện được các hợp đồng lớn của nước ngoài nên chủ yếu vẫn là gia công, chưa xây dựng được thương hiệu cho mình, sản phẩm vẫn chủ yếu được bán qua các khâu gian, công tác đào tạo nguồn nhân lực cho ngành chế biến gỗ chưa được quan tâm và đầu tư đúng mức.

Thứ ba, công nghệ chế biến còn thô sơ, mang tính thủ công, đơn lẻ, thiếu sự kết hợp và phát triển đồng bộ. Các doanh nghiệp chưa chủ động đầu tư thiết bị, công nghệ, thiết kế mẫu mã sản phẩm, tìm kiếm thị trường, thông tin xúc tiến thương mại v.v đa số các doanh nghiệp còn ở quy mô nhỏ.

## **II. Đề xuất một số giải pháp khắc phục hạn chế:**

Theo chiến lược phát triển tổng thể ngành chế biến gỗ Việt Nam đến năm 2010 và năm 2020, ngành chế biến gỗ phải đạt kim ngạch xuất khẩu là 5,56 tỷ USD vào 2010 và đạt 7 tỷ USD vào năm 2020. Để đạt được mục tiêu phát triển nói trên, ngành chế biến gỗ Việt Nam cần phải xây dựng cho mình những bước đi phù hợp.

Để phát triển trong thời gian tới, ngành gỗ Việt Nam còn nhiều việc cần phải làm, trong đó việc định hình các sản phẩm mũi nhọn, có lợi thế trên thị trường thế giới đó là đồ gỗ nội thất hay gỗ mỹ nghệ, ván nhân tạo được ưu tiên hàng đầu. Việc xác định sản phẩm mũi nhọn đi đôi với khảo sát hiện trạng, đánh giá tiềm năng của từng vùng rừng, vùng sản xuất, chế biến các sản phẩm gỗ... từ

đó đưa ra những định hướng phát triển thống nhất trong liên kết giữa vùng nguyên liệu và vùng sản xuất, chuyên môn hóa các công đoạn chế biến sản phẩm gỗ giữa các doanh nghiệp.

Ngoài ra, Nhà nước Việt Nam cần có một chiến lược phát triển ngành chế biến gỗ lâu dài; mở rộng đối tượng hưởng kích cầu hỗ trợ vốn với lãi vay ưu đãi hoặc không tính lãi cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ; hỗ trợ doanh nghiệp đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại. Nhà nước cũng cần tạo điều kiện cho các doanh nghiệp Việt Nam trực tiếp hợp tác liên kết với chủ rừng để khai thác nguyên liệu gỗ một cách chắc chắn, thông qua các hiệp định song phương đã ký kết giữa Việt Nam và các nước có rừng. Đồng thời xây dựng một trung tâm hỗ trợ phát triển sản phẩm quốc gia để hỗ trợ việc thiết kế mẫu mã, định hướng thị trường phù hợp.

Thêm vào đó, để khắc phục việc phụ thuộc hoàn toàn vào nguyên liệu nhập khẩu, vừa qua Thủ tướng đã phê duyệt đề án thành lập sàn giao dịch gỗ điện tử với tổng vốn đầu tư khoảng 5 tỷ đồng, hiện Hiệp hội gỗ và lâm sản đang triển khai các công việc cụ thể. Dự kiến, sàn giao dịch sẽ cung cấp thông tin giá cả thị trường gỗ trong nước và thế giới, các vấn đề về pháp luật khi các doanh nghiệp xuất khẩu gỗ ra nước ngoài. Việc thực hiện các giao dịch qua mạng của các doanh nghiệp ngành gỗ sẽ được kết nối qua cổng thương mại điện tử của Bộ Công Thương. Còn vấn đề thành lập chợ gỗ đến nay vẫn không có một phương án khả thi nào được triển khai cho dù nếu liên kết để nhập khẩu gỗ với khối lượng lớn, các doanh nghiệp có thể tiết kiệm ít nhất 10% chi phí.

Khủng hoảng kinh tế toàn cầu, sự suy giảm nhu cầu của thị trường quốc tế và hàng rào phi thuế quan đang có xu hướng tăng, đòi hỏi chúng ta phải có cách tiếp cận mới trong phát triển hoạt động thương mại nông lâm thủy sản nói chung, ngành chế biến gỗ nói riêng. Đã đến thời điểm sau một giai đoạn tăng trưởng cao, xuất khẩu dựa vào phát triển chiều rộng của một vài ngành chủ lực là chủ yếu, đòi hỏi chúng ta phải thiết kế một chiến lược xuất khẩu nông lâm sản bền vững. Trong đó ngành gỗ, dựa theo chiều sâu, kích thích nhân tố mới, đứng vững trên hai chân: đó là khai thác tốt thị trường nội địa theo tư duy dài hạn, căn cơ để làm cơ sở và bàn đạp cho xuất khẩu trong tư thế sẵn sàng hội

nhập, sẵn sàng cạnh tranh, mang thương hiệu Việt đến khắp các quốc gia trên thế giới.

Theo Hiệp hội gỗ và lâm sản Việt Nam, nhu cầu sử dụng đồ gỗ trên thế giới hiện vẫn tăng khá cao, trong khi đó thị phần đồ gỗ của Việt Nam chưa đạt tới con số 1% thị phần đồ gỗ thế giới. Còn theo nguồn tin từ Bộ Công Thương, sau khi Việt Nam gia nhập WTO, ngành chế biến gỗ xuất khẩu của Việt Nam được giảm thuế nhập khẩu gỗ nguyên liệu cũng như giảm thuế xuất khẩu sản phẩm hàng hóa vào thị trường các nước. Đây là những yếu tố tạo ra lợi thế kinh doanh trên thị trường. Bên cạnh đó, việc Mỹ đánh thuế chống bán phá giá khá cao đối với Trung Quốc cũng là một trong những lợi thế để các doanh nghiệp tăng cường xuất khẩu vào thị trường này.

Ngoài những lợi thế nêu trên, Việt Nam còn nhiều thế mạnh khác mà chúng ta chưa tận dụng hết. Đó là Việt Nam có nguồn nhân công dồi dào, có các cảng biển trải dài trên địa bàn cả nước, rất phù hợp cho việc vận chuyển những container công kênh, chiếm nhiều chỗ như đồ gỗ. Kim ngạch tăng trưởng xuất khẩu của ngành gỗ cũng đang dẫn đầu trong các mặt hàng xuất khẩu. Nếu tính chung giai đoạn từ năm 2001-2005, kim ngạch tăng trưởng xuất khẩu của ngành gỗ đạt hơn 38%/năm. Cả nước hiện có khoảng 2.600 doanh nghiệp, trong đó có 200 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, sử dụng 170.000 lao động.

Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh tiến hành kiểm tra các ngân hàng thương mại trên địa phương mình trong việc thực hiện các quy định của Nhà nước, nhằm giảm các chi phí hoạt động, góp phần giảm lãi suất cho vay cho các doanh nghiệp. Công ty cổ phần Phát triển hạ tầng các khu công nghiệp các tỉnh xem xét giãn thời gian thu tiền thuê mặt bằng từ 6 tháng đến 1 năm cho các doanh nghiệp đang gặp khó khăn. Hiệp hội Chế biến gỗ và lâm sản các tỉnh cũng phải giúp đỡ các hội viên trong tìm kiếm thị trường cũng như chuyển đổi sang sản xuất các sản phẩm gỗ nội thất. Về lâu dài, các ngành chức năng và các doanh nghiệp cần có kế hoạch cụ thể trong việc đẩy mạnh sản xuất các mặt hàng gỗ nội thất, với mục tiêu là đến năm 2015, sản phẩm gỗ nội thất chiếm 40% trong tổng sản phẩm đồ gỗ của cả nước. Để hỗ trợ các doanh nghiệp trong việc sản xuất các mặt hàng gỗ nội thất, Nhà nước cần ban hành chính sách khuyến khích

đầu tư sản xuất sản phẩm gỗ nội thất ở các địa phương có tiềm năng trên cả nước, các doanh nghiệp nên tận dụng sự hỗ trợ này để chuyên hướng sản xuất - kinh doanh cho phù hợp.

Tập trung trồng rừng theo phương thức thâm canh để tự túc nguồn nguyên liệu gỗ vào năm 2020, đồng thời đẩy mạnh công nghệ chế biến ván nhân tạo từ gỗ rừng trồng để giảm 50% nhập khẩu ván nhân tạo vào năm 2010. Tạo điều kiện thuận lợi nhất để nhập khẩu và cung ứng nguyên liệu gỗ cho ngành công nghiệp chế biến xuất khẩu sản phẩm gỗ đáp ứng số lượng, chất lượng và thời gian với giá cả cạnh tranh. Chính phủ cần ký kết với Chính phủ các nước có nguồn nguyên liệu gỗ dồi dào các thỏa thuận về cung cấp gỗ dài hạn cho Việt Nam...

Tập trung mọi nguồn lực của Nhà nước, doanh nghiệp và các tổ chức khác để xây dựng các trung tâm đào tạo nghề cho ngành công nghiệp chế biến xuất khẩu đồ gỗ... nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành. Thực hiện triệt để cải cách hành chính trong việc nhập khẩu gỗ nguyên liệu và xuất khẩu sản phẩm gỗ. Tăng cường đầu tư máy móc thiết bị, công nghệ tiên tiến để nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm. Nâng cao chất lượng và tính chuyên nghiệp trong công tác xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu gỗ Việt Nam... Nâng cao vai trò Hiệp hội lâm sản Việt Nam và các Hiệp hội chế biến xuất khẩu đồ gỗ địa phương. Nâng cao tính liên kết giữa các doanh nghiệp, từng bước thực hiện sự phân công hợp tác lao động giữa các doanh nghiệp theo phương thức chuỗi giá trị gia tăng. Tiếp tục thực hiện các chính sách hỗ trợ về tài chính đối với ngành chế biến xuất khẩu sản phẩm gỗ. Cụ thể là các chính sách ưu đãi tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu trong điều kiện Việt Nam là thành viên WTO; chính sách hỗ trợ cước vận tải nội địa và quốc tế...

Để đứng vững trước áp lực cạnh tranh ngày càng lớn, các doanh nghiệp chế biến gỗ của Việt Nam phải chủ động tìm cho được nguồn nguyên liệu gỗ; tận dụng tối đa nguồn nguyên liệu sẵn có trong nước như gỗ xoài, gỗ mít, gỗ điều... doanh nghiệp phải sử dụng công nghệ hiện đại trong sản xuất như sấy, sơ chế, sơn... để tăng độ bền của gỗ với giá thành phù hợp. Bên cạnh đó, theo ý kiến của một số chuyên gia thì Hiệp hội gỗ và lâm sản Việt Nam cần thực hiện

vai trò hỗ trợ cho các doanh nghiệp trong công tác xúc tiến thương mại, tìm kiếm thị trường, nghiên cứu chiến lược sản phẩm, chính sách phát triển, tìm kiếm nguồn vốn đầu tư và liên kết trong hợp tác sản xuất.

Khu công nghiệp chế biến gỗ cần được xây dựng và mở rộng ở các vùng có khả năng cung cấp đủ nguyên liệu, ổn định, thuận lợi về cơ sở hạ tầng, đảm bảo có lợi nhuận và cạnh tranh được trên thị trường khu vực và quốc tế. Bên cạnh đó, ngành gỗ cũng tập trung sử dụng các sản phẩm từ ván nhân tạo và gỗ từ rừng trồng, phát triển các sản phẩm có ưu thế cạnh tranh cao như đồ gỗ nội thất, đồ gỗ ngoài trời và đồ mộc mỹ nghệ nhằm tăng giá trị xuất khẩu cũng như giảm việc sử dụng nguyên liệu gỗ trong chế biến xuất khẩu.

Song song với đó điều chỉnh cơ cấu rừng trồng cho phù hợp, ổn định khoảng 3,8 triệu ha rừng trồng sản xuất vào năm 2020, nâng cao chất lượng rừng để đạt sản lượng gỗ thương phẩm bằng 80% trữ lượng, trong đó có 40% là gỗ lớn. Xây dựng các vùng nguyên liệu gỗ tập trung ở vùng Đông Bắc, Bắc Trung bộ và Duyên hải Nam Trung bộ để cung cấp nguyên liệu gỗ nhỏ cho các khu vực gần nhà máy và cung cấp nguyên liệu gỗ lớn cho công nghiệp chế biến gỗ tại địa phương và khu vực lân cận. Ngoài ra, Tổng cục Lâm nghiệp cần xây dựng hệ thống kiểm soát gỗ hợp pháp để đáp ứng đối với chính sách thương mại quốc tế như Luật LACEY của Mỹ; FLEGT của EU... về nguồn gốc và xuất xứ gỗ hợp pháp. Đây cũng là cơ hội cho đồ gỗ Việt Nam thâm nhập mạnh hơn nữa vào thị trường thế giới.

Tóm lại, để tạo điều kiện cho ngành chế biến phát triển, nâng cao năng lực sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm cần phải thực hiện đồng bộ những giải pháp sau:

Thứ nhất, chủ động nguồn gỗ nguyên liệu cho sản xuất chế biến: Nhà nước đặc biệt bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn và các địa phương có rừng tự nhiên lớn cần đẩy mạnh công tác quản lý, hạn chế những thiệt hại do chặt phá rừng tự nhiên; cần thực hiện công tác quy hoạch, phát triển nguồn nguyên liệu như quy hoạch, cấp đất cho phát triển vùng trồng rừng nguyên liệu, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư trồng rừng nguyên liệu trong nước và liên kết trồng rừng với nước ngoài như Lào, Campuchia, tập trung trồng rừng theo

phương thức thâm canh, tự túc nguồn nguyên liệu gỗ cho ngành công nghiệp chế biến xuất khẩu sản phẩm gỗ vào những năm tới bằng những chính sách hỗ trợ về thuế, lãi suất cho vay, nguồn vốn vay... Ưu tiên phát triển tập trung các doanh nghiệp chế biến gỗ xuất khẩu. Các doanh nghiệp cần từng bước, đa dạng hóa sử dụng nguyên liệu gỗ đầu vào như gỗ nông nghiệp, gỗ vườn, gỗ ép công nghệ; đồng thời tìm kiếm những mẫu mã mới có khả năng kết hợp sản phẩm gỗ với các loại nguyên liệu khác nhằm giảm sức ép về nguồn nguyên liệu nhập khẩu. Kết hợp các nguồn nguyên liệu gỗ khác nhau để phát triển công nghiệp chế biến. Nguyên liệu phục vụ công nghiệp chế biến vẫn bao gồm gỗ nhập khẩu và gỗ khai thác trong nước từ rừng trồng, gỗ rừng tự nhiên được quản lý và sử dụng bền vững, đồng thời chú trọng sử dụng gỗ các cây công nghiệp theo hướng đa mục đích. Đến năm 2020, lượng gỗ khai thác trong nước đảm bảo được trên 60% nhu cầu nguyên liệu của chế biến công nghiệp. Ưu tiên nhập khẩu gỗ lớn cho gia công bề mặt sản phẩm gỗ và chế biến đồ gỗ mỹ nghệ.

Thứ hai, đổi mới công nghệ chế biến, thiết kế mẫu mã sản phẩm: Trước nhu cầu đa dạng, phong phú về mặt hàng của thị trường thế giới, các doanh nghiệp cần chú ý chuyển hướng sang chế biến các mặt hàng gỗ theo nhu cầu của thị trường như chuyển các mặt hàng ngoài trời sang sản xuất các mặt hàng gỗ nội thất. Điều này liên quan đến vốn đầu tư mở rộng nhà xưởng, công nghệ mới, đào tạo công nhân kỹ thuật và thiết kế mẫu mã để đáp ứng yêu cầu các thị trường. Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư máy, thiết bị, công nghệ tiên tiến để nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm. Các doanh nghiệp cần liên kết với nhau trong trao đổi thông tin về sản phẩm, thị trường, chính sách, liên kết tạo uy tín với người tiêu dùng, đăng ký tiêu chuẩn chất lượng tạo thương hiệu sản phẩm. Tập trung rà soát, củng cố và nâng cấp hệ thống cơ sở chế biến gỗ quy mô vừa và nhỏ, đồng thời phát triển công nghiệp chế biến gỗ quy mô lớn. Xây dựng và mở rộng các khu công nghiệp chế biến gỗ ở các vùng có khả năng cung cấp ổn định, đủ nguyên liệu, thuận lợi về cơ sở hạ tầng, đảm bảo có lợi nhuận và cạnh tranh được trên thị trường khu vực và quốc tế. Hình thành cụm, điểm chế biến gỗ, có quy mô thích hợp để liên doanh liên kết cùng sản xuất theo hướng chuyên môn hóa, vừa tận dụng tối đa nguồn nguyên liệu, vừa sản xuất các phụ kiện cho các cơ sở sản xuất khác trong vùng và là nơi đào tạo

nguồn nhân lực của ngành. Từng bước phát triển, hiện đại hoá các doanh nghiệp, cơ sở chế biến gỗ quy mô nhỏ, các cơ sở sản xuất, chế biến tổng hợp gỗ rừng trồng ở các vùng nông thôn và làng nghề, góp phần đa dạng hóa kinh tế nông nghiệp và nông thôn.

Thứ ba, xây dựng các trung tâm đào tạo nghề, nâng cao tay nghề cho người lao động: tăng cường hợp tác, liên kết giữa các cơ sở đào tạo với các doanh nghiệp để đào tạo tại chỗ, gắn đào tạo với sử dụng lao động để nâng cao tay nghề cho công nhân và cán bộ kỹ thuật đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp. Đối với sản phẩm xuất khẩu: chuyển dần từ sản xuất đồ gỗ ngoại thất sang sản xuất sản phẩm gỗ nội thất, đồng thời hạn chế việc xuất khẩu dăm gỗ. Đối với sản phẩm cho thị trường trong nước: phát triển các loại sản phẩm gỗ nội thất đáp ứng nhu cầu và thị hiếu thị trường, nhất là các loại sản phẩm phục vụ cho các khu đô thị, chung cư mới được xây dựng, các loại sản phẩm phục vụ cho nhu cầu xây dựng, văn hóa, giáo dục, y tế,... Tập trung phát triển sản xuất ván nhân tạo phục vụ sản xuất đồ gỗ xuất khẩu và tiêu dùng nội địa, trong đó ưu tiên, khuyến khích phát triển sản xuất gỗ ghép thanh, MDF, ván dán, ván dăm chất lượng cao,...

Thứ tư, nâng cao hiệu quả hoạt động xúc tiến thương mại, đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu: Nâng cao chất lượng và tính chuyên nghiệp trong công tác xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu đồ gỗ Việt Nam, các doanh nghiệp cần liên kết trong việc tìm nguồn hàng, trực tiếp tổ chức nhập khẩu, nhằm giảm chi phí, trung gian. Các giải pháp hỗ trợ: nâng cao vai trò của các Hiệp hội Lâm sản, Cục chế biến Lâm sản, các Bộ ngành có liên quan cần có những giải pháp trợ theo chỉ thị 19/2004/CT/Ttg ngày 1 tháng 6 năm 2004 của Thủ tướng chính phủ.